

5.9- QUYỀN LỰC THẾ GIỚI DỊCH CHUYỂN TỪ PHƯƠNG TÂY SANG PHƯƠNG ĐÔNG

(The global power shift from West to East)

Christopher Layne

The National Interest, May-June 2012

Khi các đại cường nhìn thấy vị trí của họ suy mòn trên thế giới, các nhà lãnh đạo vội vàng chối bỏ. Vào đầu thế kỷ 20, khi các nhà lãnh đạo Anh quốc khám phá thấy sự thống trị thế giới của nước Anh suy mòn, nhà ngoại giao nổi tiếng Lord Salisbury đã có lời phát biểu cho thấy rõ vừa tính tất yếu của sự suy tàn, vừa lời chối bỏ : “ Dù điều gì xảy ra cũng là điều xấu. Do đó, chúng ta phải làm cho chúng xuất hiện càng ít càng tốt ”. Dĩ nhiên, một khía cạnh của sự suy tàn, là khả năng của nước Anh đã giảm sút trong việc ảnh hưởng lại những biến chuyển của tình hình.

Ngày nay, chúng ta cũng thấy hiện tượng tương tự xảy ra tại Mỹ. Vấn đề suy tàn đã làm cho các nhà lãnh đạo quốc gia khó chịu. Vào tháng 10-2010, Bộ trưởng ngoại giao Hillary Clinton tuyên bố : “ Thời điểm mới của nước Mỹ sẽ thiết lập nền móng cho sự lãnh đạo lâu dài của Mỹ trong những thập kỷ sắp tới ”. Một năm rưỡi sau, Tổng thống Obama đã tuyên bố trong bài diễn văn hàng năm về tình hình Liên bang (*State of the Union*) như sau : “ Bất cứ ai nói với các bạn là nước Mỹ đang suy tàn,... họ không hiểu về những gì họ đang nói ”. Một tuyên bố viết của ứng cử viên Tổng thống Mitt Romney đã cho biết là ông “ bác bỏ hoàn toàn triết lý về sự suy tàn của nước Mỹ dưới mọi hình thức ”. Và cựu Đại sứ Mỹ tại Trung Quốc, và từng là ứng cử viên Tổng thống của Đảng Cộng hòa, Jon Huntsman, tuyên bố là “ sự suy tàn ” giản dị “ không mang tính chất Mỹ ”.

Tuy thế, những phản đối này không ngăn chặn nổi sự biến chuyển của tình hình, đang thách thức lại trật tự quốc tế có từ sau 1945, vẫn thường được gọi là *Pax Americana* (Hòa bình dưới sự thống trị của Mỹ). Trong thời kỳ này, Hoa Kỳ đã sử dụng sức mạnh áp đảo của nó để định hình và lãnh đạo tình hình thế giới. Thời kỳ thống trị của Mỹ đang sắp chấm dứt, vì sức mạnh của nước này đang tương đối suy tàn, cùng với khả năng quản lý tình hình an ninh và kinh tế của thế giới.

Điều này không có nghĩa là Hoa Kỳ sẽ đi theo con đường suy tàn của nước Anh trong nửa đầu thế kỷ 20. Như giáo sư Stephen Walt, Đại học Harvard, đã viết hồi năm ngoái, nên nói chính xác là “ Thời đại Mỹ ” sắp chấm dứt. Nhưng vào lúc này, và trong một thời gian sắp tới, nước Mỹ vẫn là quốc gia hàng đầu trong số nhiều quốc gia ngang sức nhau (*primus inter pares*), một cường quốc mạnh nhất trong số những cường quốc lớn của thế giới – mặc dù người ta không chắc lắm là Hoa Kỳ duy trì được vị trí này trong 20 năm tới. Dù sao chăng nữa, sức mạnh và ảnh hưởng của Mỹ trên hệ thống chính trị thế giới sẽ suy giảm nhiều so với đỉnh điểm của kỷ nguyên *Pax Americana*. Đó là trật tự cũ, được thành hình từ những biến động lớn của Thế chiến I, của cuộc Đại khủng hoảng 1929 và của Thế chiến II. Bây giờ, trật tự cũ này đã kéo dài được 70 năm, đang biến dần khỏi sân khấu chính trị. Lẽ tự nhiên là các nhà lãnh đạo

Mỹ muốn chối bỏ thực tế này. Hoặc là họ phải nói một cách tế nhị khi muốn trình bày vấn đề trước quần chúng Mỹ. Nhưng vấn đề thực sự cho nước Mỹ và những nhà lãnh đạo của nó là : Cái gì sẽ thay thế cho trật tự cũ ? Washington sẽ làm thế nào để bảo vệ quyền lợi của nó trong kỷ nguyên thế giới mới ? Và hệ thống quốc tế sẽ bị hư hại bao nhiêu trong thời gian chuyển tiếp từ trật tự cũ qua trật tự mới ? Có nhiều dấu báo cho trật tự mới đang nổi lên. Thứ nhất, có sự nổi lên đáng kinh hoàng của Trung Quốc để đạt tới quy chế đại cường, về cả hai phương diện kinh tế và quân sự. Trong lĩnh vực kinh tế, IMF tiên đoán là phần chia của Trung Quốc trong GDP thế giới (hiện nay là 15%) sẽ bằng với phần chia của Mỹ (18%) vào năm 2014. (Cuối Thế chiến II, phần chia của Mỹ trong GDP của cả thế giới gần tới 50%). Đây là điều đáng ngạc nhiên, vì phần chia GDP của Trung Quốc chỉ là 2% vào năm 1980 và 6% vào năm 1995. Hơn thế nữa, Trung Quốc đang trên đà vượt qua Mỹ để trở thành nền kinh tế lớn nhất thế giới (đo theo tỷ giá hối đoái) vào một lúc nào đó trong thập kỷ này. Và, giống như kinh tế gia Arvind Subramanian đã lý luận, nếu đo bằng mãi lực tương đối (PPP) GDP của Trung Quốc đã vượt qua Mỹ rồi.

Cho tới cuối thập kỷ 1960, Hoa Kỳ là quốc gia lớn nhất thế giới trong lĩnh vực hàng chế biến. Ngày nay, nó chủ yếu trở thành nền kinh tế cho vay lấy lãi. Trong khi đó, Trung Quốc trở thành nền kinh tế chế biến lớn nhất thế giới. Có một nghiên cứu gần đây của báo *Financial Times* cho thấy 58% thu nhập của Hoa Kỳ là do cổ tức hay tiền lãi ngân hàng. Kể từ cuối chiến tranh lạnh, thế ưu việt quân sự của Mỹ đã là rào cản ngăn chặn các quốc gia mới nổi thách thức quyền lợi của Mỹ. Nhưng khả năng hiện nay của Mỹ duy trì rào cản này gặp khó khăn ở cả hai đầu : Thứ nhất cuộc khủng hoảng tài chính sâu xa (2008) bó buộc nước Mỹ phải tinh giản chi tiêu, và nước Mỹ ngày càng không đủ sức đầu tư cho quân sự. Thứ hai, các cường quốc đang nổi lên, ví dụ Trung Quốc trở nên giàu có hơn, và họ sẽ mở rộng chi tiêu quân sự. Gần đây báo *The Economist* dự báo là chi phí quân sự của Trung Quốc sẽ ngang với chi phí quân sự của Mỹ vào năm 2025.

Như thế trong vòng khoảng một thập kỷ tới, một vòng phản hồi sẽ thành hình. Theo đó, các hạn chế nội bộ ở Mỹ sẽ làm cho quốc gia này giảm hoạt động trên thế giới, và sẽ làm dịch chuyển sự phân phối quyền lực. Và sự dịch chuyển này sẽ khuếch đại hậu quả của việc dàn quá mỏng tài chính và chiến lược của Mỹ. Với quyền lợi rải ra khắp mọi nơi, từ châu Á, Trung Đông, châu Phi, châu Âu tới tận Kapkaz – chưa kể tới vai trò bảo vệ đường biển của thế giới, và bảo vệ công dân Mỹ khỏi nạn khủng bố Hồi giáo – một nước Mỹ quá dàn mỏng chiến lược cần phải tinh giảm bớt.

Thêm nữa, có một kết nối quan trọng giữa một bên là vị thế quân sự, kinh tế của đại cường và một bên là uy tín, quyền lực mềm và khả năng lãnh đạo của nó. Khi cơ sở quyền lực cứng của *Pax Americana* bị sói mòn, khả năng định hình trật tự thế giới thông qua ảnh hưởng và sự rộng lượng, cũng suy giảm. Điều này đặc biệt đúng cho nước Mỹ sau cuộc khủng hoảng tài chính 2008, và cuộc Đại khủng hoảng tiếp sau đó. Tại đỉnh điểm của sức mạnh quân sự và kinh tế sau Thế chiến II, nước Mỹ đã có khả năng cung cấp tài chính rộng rãi cho hệ thống quốc tế để duy trì ổn định kinh tế và chính trị. Ngày nay, khả năng này đã bị suy giảm nhiều.

Tất cả những điều đó đã tạo ra thách thức cho trật tự thế giới cũ, đến từ các cường quốc khu vực có nhiều tham vọng như Trung Quốc, Brazil, Ấn Độ, Nga, Thổ Nhĩ Kỳ và Indonesia. Trước sự suy yếu vị trí của Mỹ, các cường quốc mới nổi trở nên

mạnh bạo trong việc thử thách và thăm dò trật tự cũ, với mục đích tái định hình hệ thống quốc tế, theo đường hướng có lợi cho quyền lợi, tiêu chuẩn và giá trị của họ. Điều này đặc biệt là đúng cho Trung Quốc. Quốc gia này đã trôi dạt sau “ *một thế kỷ bị sỉ nhục* ” trong bàn tay Tây phương, để cuối cùng đạt được quy chế đại cường. Không ai dám nghĩ là Bắc Kinh ngày nay sẽ chấp nhận vai trò “ *người cố đông có trách nhiệm* ” trong một hệ thống quốc tế do Mỹ xây dựng để phục vụ quyền lợi, tiêu chuẩn và giá trị của Mỹ.

Những chuyển biến sâu xa này đã đưa đến câu hỏi lớn : Thế giới đi về đâu ? và đâu là vai trò của Mỹ trong thời kỳ và sau thời kỳ chuyển tiếp. Quản lý được thời kỳ chuyển tiếp này là một thách thức cho nước Mỹ trong vòng hai thập niên tới. Khi tìm hiểu về hướng đi sắp tới, chúng ta nên nhìn lại quá khứ. Không những chỉ trong thời gian 70 năm vừa qua, mà còn xa hơn thế nữa. Lý do vì thời kỳ chuyển tiếp hiện nay hàm nghĩa nhiều hơn là sự cáo chung của kỷ nguyên sau 1945 với sự thống trị của Mỹ. *Nó còn cho thấy sự cáo chung của kỷ nguyên phương Tây thống trị thế giới, bắt đầu từ khoảng 500 năm về trước.* Trong một nửa thiên niên kỷ của lịch sử thế giới, vị thế của phương Tây trên thế giới đã được bảo đảm, và hầu hết những thay đổi lớn của thế giới được tượng trưng bởi những chuyển đổi quyền lực nội-văn minh (trong cùng một nền văn minh).

Nhưng ngày nay, khi trọng tâm kinh tế và địa chính trị của hệ thống quốc tế chuyển từ thế giới châu Âu – Đại Tây Dương qua châu Á, chúng ta đang nhìn thấy giai đoạn đầu của sự chuyển dịch quyền lực giữa các nền văn minh (liên-văn minh). Ý nghĩa của sự khác biệt này không thể bị coi thường.

Sự cáo chung rõ ràng của trật tự cũ – kể cả *Pax Americana* lẫn thời kỳ nổi lên của phương Tây – đã báo hiệu cho thấy sẽ có một thời kỳ quá độ tới một nhóm chưa rõ cường quốc nào trên vũ đài chính trị quốc tế. Trong lòng phương Tây lúc đang cường thịnh, thời đại thống trị của Mỹ đã nổi lên từ đống tro tàn của *Pax Britannica*, một trật tự quốc tế trước đó. Nó hàm nghĩa là nước Mỹ đã thay thế châu Âu để trở thành tâm điểm của quyền lực thế giới. Nhưng thế kỷ 20 đã phải cần tới 2 cuộc chiến tranh thế giới và cuộc Đại khủng hoảng toàn cầu (1929) để thúc đẩy thời kỳ quá độ giữa hai hệ thống quốc tế này.

Sau khi các cuộc chiến tranh của Napoleon kết thúc vào năm 1815, trong buổi bình minh của cách mạng công nghiệp, nước Anh đã nhanh chóng vượt qua các đối thủ trong việc xây dựng sức mạnh công nghiệp, và sử dụng sức mạnh tài chính của nó để xây dựng một hệ thống kinh tế quốc tế mở. Hòn đá tảng của *Pax Britannica* là vai trò trung tâm tài chính quốc tế của London và sự nổi trội của Hải quân Hoàng Gia Anh trên khắp thế giới. Tuy nhiên với thời gian, hệ thống quốc tế tự do thương mại do người Anh lập ra bắt đầu làm suy yếu vị trí toàn cầu của London, khi nó cho phép lan tỏa tư bản, công nghệ, sáng kiến và kỹ năng quản lý cho các trung tâm quyền lực mới nổi. Điều này đã gây ra sự cạnh tranh kinh tế và địa chính trị.

Giữa năm 1870 và 1900, Hoa Kỳ, Đức và Nhật Bản đã nổi lên trên sân khấu quốc tế, vào khoảng cùng một thời kỳ. Và cả cán cân lực lượng ở châu Âu và trên thế giới đã thay đổi, cuối cùng bất lợi cho nước Anh. Vào đầu thế kỷ 20, nước Anh ngày càng có khó khăn trong việc đối phó với những mối đe dọa cho quyền lợi chiến lược của họ, và để cạnh tranh với nền kinh tế năng động của Mỹ và Đức.

Cuộc chiến tranh Boers (Nam Phi) 1899-1902 đã làm trầm trọng thêm chi phí bảo vệ đế quốc của nước Anh – và nó là dấu hiệu, và cũng là lực thúc đẩy sự suy tàn của Đế quốc Anh. Người ta bắt đầu thấy rõ hồ sơ phân cách giữa những cam kết chiến lược của nước Anh và các nguồn lực để duy trì những cam kết này. Cũng vì vậy, thế giới ngày càng ít nằm dưới ảnh hưởng và quyền lực của Anh quốc. Sự cô lập chiến lược của Đế quốc đã được Spencer Wilkinson, phóng viên quân sự của báo *Times* mô tả như sau : “ *Chúng tôi không còn bạn bè nữa, và không quốc gia nào yêu mến chúng tôi* ”.

Quá dần mỏng đế quốc, và phải đối phó với một môi trường chiến lược ngày càng xấu, London bị bó buộc phải điều chỉnh lại chiến lược lớn của họ, và vứt bỏ chính sách thế kỷ 19 của họ vẫn được coi là “ *sự cô lập huy hoàng* ”, không mắc mưu gì với các quốc gia khác. Còn một vấn đề nữa là sự nổi lên của mối đe dọa từ nước Đức, với một nền kinh tế năng động, một sức mạnh quân sự và một dân số đáng kể. Vào năm 1900, đã vượt qua Anh về sức mạnh kinh tế, và bắt đầu đe dọa vị trí thượng đẳng của Hải quân Hoàng Gia, trong vùng biển nhà, bằng cách xây dựng một hạm đội chiến đấu mạnh mẽ và tối tân. Để tập trung sức mạnh đối phó với mối nguy cơ từ nước Đức, người Anh đã phải liên minh với Nhật Bản và sử dụng Tokyo để hạn chế sự bành trướng của Đức và Nga tại Đông Á. Nó cũng làm cho Mỹ không trở thành đối thủ tiềm ẩn bằng cách nhường cho Mỹ vai trò thượng đẳng tại Nam Mỹ và vùng biển Caribe. Cuối cùng, nó cũng dần xếp tranh chấp với Pháp và Nga, rồi sau đó lập một liên minh trên thực tế (*de facto*) với hai quốc gia này để chống lại nước Đức.

Quyền lực thế giới chuyển từ Tây qua Đông

Thế chiến I đánh dấu sự chấm dứt của *Pax Britannica* và sự khởi đầu của sự chấm dứt vai trò thống trị địa chính trị của nước Anh. Sự kiện chính là quyết định của Mỹ nhảy vào chiến tranh. Chính Tổng thống Woodrow Wilson (1) đã kêu gọi cường quốc của Tân thế giới (Hoa Kỳ) “ *hiện hữu để lập lại thế cân bằng ở thế giới cũ* ” (theo từ ngữ được chính khách người Anh Georges Canning sử dụng vào thế kỷ 19). Sức mạnh kinh tế và quân sự của Mỹ rất thiết yếu cho việc đánh bại nước Đức. Wilson đưa nước Mỹ vào chiến tranh năm 1917 với ý đồ sử dụng sức mạnh của Mỹ để áp đặt một trật tự thế giới theo quan điểm của ông lên cả Đức lẫn các quốc gia đồng minh. Tuy thế Hiệp ước Hòa Bình chấm dứt Thế chiến I – hệ thống Versailles – có nhiều thiếu sót. Wilson đã không tranh thủ được sự đồng tình của nhân dân Mỹ để tham gia vào Hội Quốc Liên, và tính thực dụng chính trị (*realpolitik*) châu Âu đã lấn át quan điểm của ông về một trật tự thế giới hậu chiến.

Sau nhiệm kỳ thứ 2 của Wilson, người ta cho rằng nước Mỹ trở lại chính sách cô lập – và dưới thời Tổng thống Warren Harding (2) nước Mỹ đã trở lại “ *thời kỳ bình thường* ”. Nhưng điều này không đúng, nước Mỹ đã triệu tập Hội nghị Hải Quân (1921- 1922) (3) và đóng góp cho Hiệp ước Hải Quân. Hiệp ước này đã tránh cho Mỹ khỏi phải chạy đua hải quân với Anh và Nhật Bản và làm giảm bớt viễn cảnh một cuộc cạnh tranh giữa các đại cường trong việc tìm kiếm ảnh hưởng ở Trung Quốc. Nước Mỹ cũng giữ vai trò chủ chốt trong việc tái lập lại ổn định kinh tế và chính trị tại Châu Âu sau khi bị chiến tranh tàn phá. Nó đề cao sự tái thiết kinh tế của Đức, và làm cho

Đức hòa nhập chính trị vào Châu Âu, thông qua kế hoạch Dawes và Young – kế hoạch này chủ yếu giải quyết vấn đề phức tạp về chương trình bồi thường sau chiến tranh của Đức. Mục tiêu giúp cho Châu Âu đứng lại trên hai chân của mình, để có thể lại trở thành một thị trường tiêu thụ khổng lồ cho hàng hóa của Mỹ.

Rồi tới cuộc Đại khủng hoảng kinh tế 1929. Tại cả Châu Âu và Châu Á, cuộc động đất kinh tế này đã gây ra những hậu quả to lớn về địa chính trị. Như E. H. Carr đã viết chi tiết trong sách *Cuộc khủng hoảng 20 năm 1919–1939*, hệ thống Versailles rạn vỡ, bởi vì có sự cách biệt sâu sa giữa trật tự mà nó làm đại diện, và sự phân phối quyền lực thực sự tại Châu Âu vào lúc đó. Ngay trong những năm 1920, sức mạnh âm ỉ của Đức đã cho thấy là nước Đức một lúc nào đó trở lại chính sách bá quyền đại lục khi Adolf Hitler lên làm thủ tướng 1933, – và cuối cùng nước Pháp và nước Anh thiếu khả năng vật chất để củng cố hiệp ước thời hậu chiến. Cuộc đại khủng hoảng cũng làm rạn nứt trầm trọng các vấn đề xã hội, giai cấp và ý thức hệ, làm rối loạn chính trường khắp Châu Âu.

Tại Đông Á, Cuộc Đại khủng hoảng đã làm mất tín nhiệm chính sách kinh tế, chính trị theo khuynh hướng tự do mà Nhật Bản đã theo đuổi trong thập kỷ 1920. Các thành viên theo chủ nghĩa bành trướng của giới quân sự Nhật Bản chiếm được ảnh hưởng ở Tokyo – và họ đã đẩy Nhật Bản lao vào cuộc phiêu lưu ở Mãn Châu. Để giải quyết khó khăn kinh tế, tất cả mọi cường quốc, kể cả Mỹ, đã bãi bỏ chính sách mở cửa kinh tế quốc tế và mậu dịch tự do, để quay về chủ nghĩa dân tộc kinh tế, chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch và chủ nghĩa trọng thương.

Cuộc khủng hoảng trong những năm 1930 đã kết thúc bằng một cuộc chiến tranh (Thế chiến II) mà sử gia John Lukacs gọi là “ *cuộc chiến tranh Châu Âu cuối cùng* ”. Nhưng nó không chỉ xảy ra ở Châu Âu. Người ta chỉ đánh bại được nước Đức nhờ vào sức mạnh quân sự và kinh tế của Mỹ, và sự chống trả anh dũng của nhân dân Liên Xô. Cùng lúc, chiến tranh lan nhanh qua Thái Bình Dương, và các thuộc địa của Phương Tây bị Nhật Bản gây sức ép quân sự mạnh mẽ.

Thế chiến thứ II đã định hình lại chính trường quốc tế theo ba hướng cơ bản : Thứ nhất, nó gây ra kết quả mà sử gia Hajo Halborn gọi là “ sự sụp đổ chính trị của Châu Âu ”, nó hạ màn chung kết kỷ nguyên chính trị quốc tế lấy Châu Âu làm tâm điểm. Lúc đó, một Tây Âu kinh tế kiệt quệ không còn khả năng tự vệ, mà phải nhờ vào hỗ trợ của Mỹ. Thứ hai, sự thua trận trong chiến tranh của nước Anh, Pháp và Hà lan tại Châu Á – đặc biệt là vụ đầu hàng ô nhục của quân Anh vào 1942 tại Singapore – đã làm tan vỡ huyền thoại về sức mạnh của Châu Âu, và gây ra một làn sóng dân tộc chủ nghĩa, mà trong hai thập kỷ sau đó, đã làm tan biến các thuộc địa của người Âu tại Châu Á. Điều này đã đặt nền móng cho sự nổi lên về kinh tế của Châu Á, bắt đầu có xung lực từ những năm 1970. Cuối cùng, chiến tranh đã tạo ra những điều kiện kinh tế và địa chính trị cho phép nước Mỹ thành lập một trật tự thế giới thời hậu chiến, và tự mình đóng vai trò cường quốc thống trị thế giới. Lúc đầu, trong một kỷ nguyên lưỡng cực, cạnh tranh với Liên Xô – và sau này, trở thành siêu cường duy nhất của Thế giới sau khi Liên Xô sụp đổ vào năm 1991.

Như thế chúng ta đã thấy thành hình trật tự thế giới mới vào năm 1945. Bây giờ trật tự này đã trở thành cũ, với những căng thẳng trên thế giới. Nhưng chúng ta cũng chứng kiến cơn hấp hối dài của Pax Britannica. Nền hòa bình này đã duy trì sự ổn

định tương đối của thế giới trong một thế kỷ trước khi gục ngã dưới làn đạn của hai cuộc thế chiến và của cuộc Đại khủng hoảng. Điều này cho ta thấy thời kỳ quá độ của thế giới lúc đó rất hỗn loạn, khó dự kiến, dài và đẫm máu. Liệu thời kỳ quá độ hiện nay đang diễn ra có được êm ái, yên tĩnh hay không, là một câu hỏi còn bỏ ngỏ – và là một vấn đề lớn của thế giới hôm nay.

Khi Hoa Kỳ nổi lên thành cường quốc lãnh đạo thế giới, nó đã tìm cách thiết lập sự thống trị của nó sau chiến tranh trong ba khu vực có vẻ là quan trọng nhất : Tây Âu, Đông Á, và Trung Đông / Vùng Vịnh Ba Tư. Nó cũng bảo vệ một chế độ mậu dịch quốc tế mở, và nắm vai trò nhà quản lý hệ thống tài chính thế giới, giống như là người Anh đã làm trong thế kỷ 19. Hiệp ước Bretton Woods vào 1944, đã chấp nhận đồng USD là đồng tiền dự trữ quốc tế. Ngân hàng thế giới, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), và thỏa thuận chung về quan thuế và thương mại đã đẩy mạnh thương mại quốc tế. Liên Hiệp Quốc được sáng lập, và người Mỹ còn thành lập một mạng những liên minh do Mỹ dẫn đầu, quan trọng nhất là NATO (4).

Chúng ta thử nhìn lại những năm chiến tranh lạnh với những sáng kiến oai hùng của nước Mỹ. Về phương diện địa chính trị, Washington đã đặc biệt thành công về hai mặt : Để tránh được cuộc chiến tranh giữa các cường quốc, George F. Kennan đã đưa ra học thuyết “ đấp đê ” (*containment*) mang lại hậu quả là làm cho Liên Xô sụp đổ do chính những mâu thuẫn nội bộ của họ. Tại Châu Âu, sức mạnh của người Mỹ đã giải quyết được vấn đề nước Đức, mở đường cho sự hòa giải Pháp – Đức, và làm bàn đạp cho hòa nhập kinh tế Tây Âu. Tại Châu Á, người Mỹ giúp xây dựng lại một nước Nhật ổn định và dân chủ, từ đống tro tàn của thế chiến II. Trong thế giới Tam cực của *Pax Americana*, – xoay quanh nước Mỹ, Tây Âu và Nhật Bản – thời gian 25 năm sau thế chiến II là một thời đại hòa bình và thịnh vượng chưa từng có. Đó là những thành tựu đáng kể và nên được hoan nghênh. Tuy thế, vẫn chưa rõ rệt là thực tế của thời kỳ chiến tranh lạnh liệu có ngang tầm với những hoài vọng đã tạo ra nó. Có nhiều chính sách khác có lẽ cũng đưa tới chấm dứt Chiến tranh Lạnh ; nhưng cái giá phải trả cho nước Mỹ sẽ ít tổn kém hơn.

Cuộc Chiến tranh lạnh đã làm tổn nhiều tiền bạc và xương máu (những thí dụ rõ rệt nhất là chiến tranh Triều Tiên và Việt Nam). Nước Mỹ có nhiều trách nhiệm trong việc tạo ra các mối căng thẳng hậu chiến với Liên Xô. Các nhà lãnh đạo Mỹ đã tham gia vào sự lạm phát các mối đe dọa, và lo sợ quá đáng về sức mạnh Liên Xô. Một số nhà làm luật và báo chí vào thời đó – nhất là Kennan và nhà báo nổi tiếng Walter Lippman – đã cảnh báo chống lại tính chất toàn cầu và quân sự hóa của chiến lược bao vây của Mỹ, họ sợ rằng nước Mỹ đã dàn trải quá rộng nếu nó muốn ngăn chặn sự phát triển của Liên Xô tại mọi miền trên trái đất. Tổng thống Dwight Eisenhower cũng lo ngại cho chi phí của Chiến tranh lạnh, đó là một gánh nặng đè lên nền kinh tế Mỹ, và tạo nên mối đe dọa cho chính hệ thống Nhà nước mà người Mỹ muốn bảo vệ. Sự tin tưởng vào tính phổ quát của các giá trị và tư tưởng Mỹ, là tâm điểm của chiến lược bao vây trong suốt thời kỳ Chiến tranh lạnh, và sự quyết tâm đề cao mô hình phát triển của nó, đã làm cho nước Mỹ sa lầy vào cuộc chiến tranh Việt Nam thảm bại.

Những thắc mắc về sự khôn ngoan của Mỹ trong cuộc Chiến tranh lạnh đã nhanh chóng biến mất sau khi Liên Xô sụp đổ. Sự kiện này đã tạo ra những làn sóng vui mừng chiến thắng tại Mỹ. Các chuyên gia ăn mừng “ *giờ phút đơn cực* ” của nước Mỹ, và nghĩ rằng đã tới hồi “ *cáo chung của lịch sử* ” (5) nên dân chủ phương Tây đã

chiến thắng một cách quyết định, và một điểm cuối cùng cho sự phát triển con người dân sự. Lối suy nghĩ này đã bác bỏ viễn ảnh là sự chiến thắng này chỉ là phù du.

Nhưng trong hai thập kỷ cuối cùng của Chiến tranh lạnh, sự suy tàn của nước Mỹ đã bắt đầu nảy mầm. Trong một phân tích bằng trực giác – nhưng hơi sớm – Tổng thống R. Nixon và Bộ trưởng ngoại giao H. Kissinger tin tưởng ra hệ thống chiến tranh lạnh nhị cực sẽ dẫn đến một hệ thống đa cực ngũ giác, gồm có Mỹ, Liên Xô, châu Âu, Trung Quốc và Nhật Bản. Nixon cũng đã đối phó với sự suy giảm quyền lực tài chính của Mỹ vào 1971, khi ông hủy bỏ bản vị của đồng USD đã được quyết định trong Hiệp ước Bretton Woods. Sau này, vào năm 1987, giáo sư Kennedy của Đại học Yale đã cho xuất bản sách *Sự nổi lên và suy tàn của những Đại Cường* (6), đã nêu vấn đề về sự yếu kém cơ cấu, tài khóa và kinh tế của Mỹ, và nghĩ rằng với thời gian, sự yếu kém này sẽ làm suy mòn nền tảng sức mạnh của Mỹ. Sau đó với sự chiến thắng của Chiến tranh lạnh – và sự sụp xuống của bong bóng kinh tế Nhật Bản – người ta đã bác bỏ luận điểm của Kennedy.

Ngày nay, sau cuộc chảy lỏng tài chính 2008, và cuộc suy thoái tiếp theo đó, rõ ràng là Kennedy và những người đi theo chủ thuyết “ suy tàn ” đã có lý. Những nguyên nhân của sự suy tàn mà họ nêu lên hiện nay trở nên tâm điểm của cuộc tranh luận về triển vọng kinh tế của nước Mỹ : “ *Quá nhiều tiêu thụ và tiết kiệm không đủ – thâm hụt triền miên cán cân thương mại và tài khoản vãng lai, phi công nghiệp hóa* (7), *tăng trưởng kinh tế yếu kém, và thâm hụt ngân sách quốc gia triền miên, làm cho món nợ quốc gia ngày càng tăng* ”.

Thực tế, nhìn về tương lai một thập kỷ, hai mối đe dọa nội bộ lớn nhất cho sức mạnh của Mỹ là triển vọng tài khóa quốc gia yếu kém, và sự nghi ngờ sâu xa về vai trò tương lai của đồng USD với tư cách là đồng tiền dự trữ quốc tế. Các nhà kinh tế cho rằng tỷ lệ nợ trên GDP 100% là một đèn báo hiệu nguy hiểm và đất nước Mỹ có khả năng rủi ro vỡ nợ. Văn phòng ngân sách Quốc hội không thuộc Đảng nào đã cảnh báo là tỷ lệ nợ so với GDP có thể vượt qua ngưỡng này vào năm 2020 và tăng vọt tới 190% vào năm 2035. Tệ hại hơn nữa, Văn phòng này gần đây cảnh báo là một “ sự kiện tín dụng bất thình lình ” có thể xảy ra, do những nhà đầu tư nước ngoài bất ngờ mất niềm tin vào chính sách tài khóa của Mỹ. Nếu xảy ra sự cố này, nhà đầu tư nước ngoài sẽ giảm thiểu việc mua trái phiếu Mỹ, hậu quả là nước Mỹ phải tăng lãi suất tiền vay. Điều này lại làm cho nợ quốc gia tăng nhanh hơn nữa. Sự nổi trội địa chính trị của Mỹ dựa vào vai trò đồng tiền dự trữ của USD – nếu đồng USD mất quy chế này, nước Mỹ sẽ hầu như mất hết quyền bá chủ. Có những lý do để lo ngại cho vận mạng đồng USD.

Trong hai thập kỷ tới – sự tranh cãi chính trị ở Mỹ làm người ta nghi ngờ khả năng của chính phủ giải quyết được những khó khăn tài khóa. Trung Quốc bắt đầu quốc tế hóa đồng tiền của họ, tức là xây dựng nền móng cho sự thách thức với đồng USD sau này. Và lịch sử đã cho thấy là, một đồng tiền quốc tế thống trị là đồng tiền của quốc gia có nền kinh tế lớn nhất (trong bài báo về cơ cấu tài chính quốc tế trong số báo này, Christopher Whalen đã đưa ra một viễn ảnh đáng tranh cãi, chấp nhận những mối nguy hiểm đe dọa lên vai trò dự trữ của USD, nhưng nói rằng viễn ảnh đồng USD bị mất quy chế của mình, còn lâu mới xảy ra trong tình hình thế giới hiện nay.

Bỏ qua vận mạng của USD qua một bên, người ta vẫn thấy rõ là nước Mỹ phải sửa đổi tình hình tài chính của họ. Và tái lập lại sức khỏe tài khóa quốc gia, để trấn an các nhà đầu tư nước ngoài là tiền đầu tư của họ được bảo vệ. Điều này đòi hỏi một sự phối hợp các biện pháp : cắt giảm ngân sách, giảm quyền thụ hưởng (hưu trí, thất nghiệp, bảo hiểm xã hội...) tăng thuế và tăng lãi suất. Các chính sách này chắc chắn sẽ cắt giảm ngân quỹ dành cho quốc phòng và an ninh quốc gia. Điều này lại càng làm suy mòn khả năng của Mỹ nắm giữ vai trò toàn cầu truyền thống hậu Thế chiến II.

Ngoài những thách thức về tài khóa, thế giới còn có đầy những quốc gia mới nổi, có khuynh hướng khai thác sự chuyển dịch quyền lực từ phương Tây qua các quốc gia từ lâu vẫn phải chịu đựng trò chơi giữa các đại cường (Parig Khanna tìm hiểu hiện tượng này một cách tỉ mỉ trong số báo này). Vấn đề quan trọng nhất cho nước Mỹ là quan hệ với Trung Quốc. Trung Quốc tự coi là đang tái lập lại thời huy hoàng xưa kia, trước cuộc chiến tranh Á phiện Thứ Nhất (1839-1842) (8), và sau đó là “ một thế kỷ bị nhục ”. Cuối cùng, Trung Quốc và Ấn Độ là hai nền kinh tế lớn nhất thế giới vào năm 1700 – và tới tận năm 1820, kinh tế Trung Quốc còn lớn hơn tổng số các nền kinh tế hợp lại của các nước châu Âu. Câu hỏi đặt ra là tại sao phương Tây lại nổi lên thành một nền văn minh mạnh mẽ nhất, bắt đầu từ thế kỷ 16. Và do đó, họ có khả năng áp đặt ý chí của mình lên Trung Quốc và Ấn Độ. Vấn đề này đã được nhiều người tranh cãi. Chủ yếu, câu trả lời là *hóa lực*. Như cố giáo sư Samuel P. Huntington đã viết : “ *Phương Tây chiếm đoạt được thế giới không phải vì nó có tư duy cao cả, hay giá trị hay tôn giáo... nhưng nó chiếm vai trò thượng đẳng vì đã áp dụng bạo hành có tổ chức. Người phương Tây hay bỏ quên điều này. Người ngoài phương Tây không bao giờ quên được* ”.

Dĩ nhiên người Trung Quốc không quên được. Bây giờ, Bắc Kinh muốn thống trị khu vực sân sau của nó, là Đông và Đông Nam Á. Cũng như nước Mỹ, lúc mới nổi lên muốn thống trị Tây Bán Cầu từ một thế kỷ rưỡi đến nay. Nước Mỹ và Trung Quốc đang cạnh tranh để chiếm vai trò thượng đẳng tại Đông và Đông Nam Á. Tại đây, nước Mỹ là một bá quyền đang ra đi, kể từ Thế chiến II. Và rất nhiều cơ quan đối ngoại của Mỹ coi sự đòi hỏi quyền bá chủ của Trung Quốc tại vùng này là một mối đe dọa, cần phải chống lại. Sự ganh đua làm bá chủ khu vực đã làm tăng căng thẳng, và có khả năng dẫn tới chiến tranh. Trong ngành địa chính học, hai đại cường không thể cùng làm bá chủ trong cùng một khu vực. Nếu không có một đại cường bỏ rơi ý muốn, sẽ có khả năng cao xảy ra chiến tranh. Những điểm nóng có thể làm bùng nổ chiến tranh Hoa – Mỹ bao gồm vùng bất ổn bán đảo Triều Tiên, quy chế đang tranh cãi của Đài Loan, cạnh tranh kiểm soát nguồn dầu hỏa và tài nguyên thiên nhiên ; và sự cạnh tranh hải quân giữa hai đại cường.

Sự căng thẳng giữa hai đại cường gần đây đã được nhấn mạnh trong một báo cáo của Viện Brookings và Đại học Bắc Kinh. Wang Jisi (Vương Tập Tư) của Đại học Bắc Kinh và Kenneth Lieberthal, giám đốc châu Á về an ninh quốc gia của chính phủ Clinton. Báo cáo này dựa trên sự trao đổi với các quan chức cao cấp của chính phủ Mỹ và Trung Quốc. Wang đã nhận thấy là dưới bộ mặt “ hợp tác tương trợ ” do cả hai quốc gia cổ vũ, người Trung Quốc tin rằng có vẻ họ sẽ thay thế Mỹ để trở thành đại cường lãnh đạo thế giới, nhưng Washington đang tìm cách ngăn cản sự nổi lên này. Tương tự, Lieberthal cho biết là nhiều quan chức Mỹ tin tưởng là các người đồng

nhiệm Trung Quốc coi quan hệ Mỹ – Trung là một cuộc chơi tổng bằng không (10), trong cuộc đấu tranh giành quyền bá chủ thế giới.

Đã có một tiền sử đáng để ý là sự ganh đua giữa Anh và Đức vào đầu thế kỷ 20. Bài học chính của cuộc ganh đua này là một cuộc cạnh tranh đại cường, như vậy có thể chấm dứt theo một trong ba cách : cường quốc đang thống trị chấp nhận quốc gia thách thức, quốc gia thách thức rút lui, hay là chiến tranh. Các công hàm trao đổi nổi tiếng năm 1907 giữa hai quan chức cao cấp Bộ Ngoại giao Anh, Sir Eyre Crowe và Lord Thomas Sanderson, cho thấy rõ bản chất sự chọn lựa khó khăn này. Crowe lý luận là London phải duy trì tình hình nguyên trạng *Pax Britannica* bằng mọi giá. Hoặc là nước Đức chấp nhận vị trí của nó trong một trật tự thế giới do Anh thống trị, hay là nước Anh phải hạn chế quyền lực nổi lên của Đức, ngay cả với rủi ro xảy ra chiến tranh. Sanderson trả lời là nếu London từ chối chấp nhận thực tế quyền lực đang nổi lên của Đức, thì chính sách ấy không thông minh và rất nguy hiểm. Ông gợi ý là các lãnh đạo của Đức phải nhìn nhận nước Anh là một người khổng lồ có chân tay bao trùm thế giới, không ai có thể tới gần được mà không gây ra xáo trộn.

Trước mắt Bắc Kinh ngày nay, họ phải coi nước Mỹ là một người khổng lồ bao trùm cả thế giới, không ai đến gần được.

Trong lịch sử hiện đại, đã có hai trật tự quốc tế tự do : Hòa bình do Anh Quốc lãnh đạo (*Pax Britannica*) và Hòa bình do Mỹ lãnh đạo (*Pax Americana*). Khi xây dựng cơ cấu quốc tế của họ, nước Anh và Mỹ đã tập trung sức mạnh để đẩy mạnh quyền lợi kinh tế và địa chính trị cho họ. Nhưng họ cũng tạo ra những lợi ích lớn – lợi ích công – cho hệ thống quốc tế, nói chung. Về phương diện quân sự, nước bá chủ có trách nhiệm ổn định những khu vực quan trọng, và bảo vệ các tuyến đường liên lạc, và tuyến đường thương mại, để phục vụ một nền kinh tế quốc tế mở. Về phương diện kinh tế, những sản phẩm công gồm cả luật lệ cho một trật tự kinh tế quốc tế, một thị trường nội địa mở rộng cho hàng xuất khẩu của các nước khác, tiền mặt cho kinh tế thế giới và một đồng tiền dự trữ.

Khi quyền lực của Mỹ phai mờ dần trong khoảng một thập kỷ tới, nước Mỹ sẽ liên tục gặp những thách thức khi rũ bỏ những trách nhiệm bá quyền này. Điều này sẽ gây ra nhiều hậu quả sâu xa cho chính trị quốc tế. Sự suy mòn của *Pax Britannica* vào cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20 đã là một nguyên nhân quan trọng cho Thế chiến I. Trong những năm giữa hai Thế chiến, không có một đại cường nào giữ được vai trò lãnh đạo địa chính trị và kinh tế, và đó là nguyên nhân lớn tạo ra cuộc Đại khủng hoảng 1929 cùng với những hậu quả của nó, kể cả việc vỡ đổ nền kinh tế quốc tế thành những khối mậu dịch khu vực, và chủ nghĩa dân tộc kinh tế ăn mày hàng xóm, lan tràn thành một cuộc đua tranh địa chính trị trong những năm 1930. Điều này lại đóng góp vào việc gây ra Thế chiến II. Sự giải thể *Pax Americana* có thể cũng gây ra những hậu quả tương tự. Vì không có một đại cường nào, kể cả Trung Quốc, có vẻ sẽ thay thế được vai trò của Mỹ như là một bá chủ thế giới thực thụ. Thế giới sẽ phải chứng kiến sự vỡ vụn quyền lực. Điều này sẽ tạo ra nhiều túi bất ổn trên khắp thế giới, và ngay cả tạo ra sự bất ổn phổ quát.

Nước Mỹ có một cam kết lâu đời cho ổn định toàn cầu, và điều này sẽ tạo ra một thách thức cho bá quyền đang suy tàn, khi nó phải tìm cách thực hiện những cam kết với một nguồn lực suy yếu. Thách thức cơ bản mà nước Mỹ phải đối phó trong

tương lai là phải lấp đầy “ hồ trống Lippman ” được gọi theo tên nhà báo Walter Lipmann, có nghĩa là làm cân bằng giữa cam kết và nguồn lực có sẵn trong tay để thực hiện những cam kết này, trong lúc tạo ra một thặng dư quyền lực để sẵn qua một bên. Để thực hiện điều này, nước Mỹ phải xác định những ưu tiên chiến lược mới, và phải chấp nhận là một số cam kết sẽ bị cắt giảm vì nước Mỹ không còn đủ sức thực hiện chúng.

Những đòi hỏi quốc gia này sẽ bó buộc nước Mỹ tạo ra một phương thức đối ngoại được gọi là “ cân bằng ngoài khơi ” (*offshore balancing*). Hướng sức mạnh và ảnh hưởng của Mỹ vào việc duy trì cân đối quyền lực tại một số khu vực chủ chốt trên thế giới. Quan niệm này – do chúng tôi đưa ra lần đầu tiên vào 1997 trong một bài báo của *An ninh Quốc tế (International Security)* – đã được nhiều người chú ý tới trong thập kỷ vừa qua, và một số học giả về địa chính trị học kể cả John Mearsheimer, Stephen Walt, Robert Pape, Barry Posen, và Andrew Baceviteh đã chấp nhận phương thức này.

Chú thích:

- (1) Tổng thống Mỹ Woodrow Wilson (1856-1924), (Đảng Dân chủ), là tổng thống thứ 28, nhiệm kỳ 1912-1920. Đã vận động người Mỹ bỏ chính sách cô lập, để tham gia chiến tranh châu Âu (1914-1918). Ông có sáng kiến thành lập Hội Quốc Liên ở Paris năm 1919, và định hình Hiệp Ước Versailles. Nhưng Quốc hội Mỹ chống lại việc tham gia của Mỹ vào Hội Quốc Liên. Chủ nghĩa Wilsonism hay Wilsonian là chủ nghĩa rũ bỏ chính sách cô lập, hướng ra thế giới ; đồng thời ủng hộ chủ nghĩa tư bản và chế độ dân chủ.
- (2) Tổng thống Warren Harding (Đảng Cộng Hòa), thuộc phe bảo thủ. Nhiệm kỳ 1921-1923. Harding ký Hiệp ước Versailles.
- (3) Hiệp ước Hải quân ở Washington (Washington Naval Treaty), có 9 cường quốc tham gia để giải trừ binh bị về Hải quân (1912-1913), mục tiêu duy trì hòa bình thế giới. Ba cường quốc Mỹ, Anh, Nhật hứa với nhau là số chiến hạm sẽ chỉ được sản xuất theo tỷ lệ 5:5:3. Cụ thể Mỹ và Anh, mỗi nước được sản xuất 525.000 tấn chiến hạm ; Nhật Bản được quyền sản xuất 315.000 tấn. Hiệp ước có giá trị 10 năm. Nhờ Hiệp ước này, hòa bình được duy trì trong suốt thập kỷ 1920, nhưng lại tạo điều kiện cho Nhật vũ trang để khởi động Thế chiến II tại Thái Bình Dương.
- (4) NATO : Tổ chức Liên minh Bắc Đại Tây Dương (*North Atlantic Treaty Organization*). Một tổ chức quân sự do Mỹ và Tây Âu lập ra để phòng chống Liên Xô tấn công (1945-ngày nay).
- (5) Năm 1992, sau khi Liên Xô sụp đổ, Francis Fukuyama đã viết sách *Sự cáo chung của Lịch sử và con người cuối cùng (The end of History and the last man)*. Ông nghĩ rằng Mỹ đã chiến thắng Liên Xô trong cuộc chiến tranh lạnh.
- (6) Paul Kennedy : *The rise and falls of great powers* (1987) bàn về sự nổi lên và lụi tàn của các cường quốc từ năm 1500 đến năm 2000. Ông tiên đoán là sức mạnh của Mỹ sẽ lụi tàn vì dàn mỏng đế quốc quá rộng.
- (7) Phi công nghiệp hóa = Bỏ các ngành công nghiệp mang tính sản xuất. Từ cuối thập kỷ 1980, người Mỹ đã bàn nhiều về xã hội hậu công nghiệp, tức là họ muốn đưa công việc sản xuất chế biến qua các nước khác, ví dụ Trung Quốc. Còn tại Mỹ, người dân chỉ làm dịch vụ. Và họ đề cao công ty ảo, nhà nước ảo, với ý nghĩ là nước Mỹ sẽ trở thành “ cái đầu ”, và các nước nghèo sẽ trở thành “ cơ thể ” để sản xuất của cái. Báo *Financial Time* cho biết hiện nay 58% GDP của Mỹ là tiền lời từ cổ phiếu hay từ ngân hàng. Chính sách này đã làm cho người lao động ở Mỹ mất công ăn việc làm, gây ra cuộc khủng hoảng của tầng lớp trung lưu ở Mỹ. Tình

trạng này được Francis Fukuyama mô tả trong bài *The Future of History* (Tương lai của Lịch sử), tạp chí *Foreign Affairs*, tháng 2 năm 2012.

- (8) Chiến tranh Á phiện lần thứ nhất (1839-1842) : xảy ra giữa hải quân Anh và Nhà Thanh ở Trung Quốc. Lý do là người Anh mang thuốc phiện vào bán ở Trung Quốc, bị lính nhà Thanh tịch thu, phá hủy. Khi chiến tranh kết thúc, Hiệp ước Nam Kinh được ký kết, được mệnh danh là Hiệp ước Bất bình đẳng, Theo đó, Trung Quốc phải nhượng cho Anh 5 hải cảng, và chuyển nhượng Hồng Kông trong 99 năm.
- (9) Tổng bằng không : Trò chơi có người thắng thì phải có người thua. Hàm ý là chiến tranh.